

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-03-2024
“Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quang Kim Cúc;

2. Ông Nguyễn Phát Triền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 03 năm 2024 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2023, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Trần Thị Kiều N - Sinh năm: 1990. Địa chỉ: G ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đỗ Công A - Sinh năm: 1990. Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Kiều N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và Đỗ Công A tìm hiểu quen biết nhau từ lúc học chung, sau đó tiến tới hôn nhân rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp 11/7/2014, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sau khi sinh con trở về đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh A không tập trung lo cho gia đình

và con. Mặc dù, chị N đã khuyên anh A nhiều lần nhưng anh A không thay đổi. Hiện nay chị N đang sống bên nhà mẹ ruột xã H và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong quá trình ly thân anh A không có động thái nào hàn gắn với chị N.

Đến nay thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung bất đồng quan điểm, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt được. Nay chị N không còn tình cảm với anh A nữa nên chị N xin được ly hôn với Đỗ Công A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Trần Quỳnh A, sinh ngày 08/01/2018. Chị Trần Thị Kiều N yêu cầu nuôi con chung tên Đỗ Công A, không yêu cầu Đỗ Công A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu Quỳnh A đang sống với mẹ. Hiện nay chị N cũng có công việc ổn định nên có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Chị Trần Thị Kiều N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Đỗ Công A trình bày: Bị đơn Đỗ Công A đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Kiều N yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Đỗ Công A, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Đỗ Công A có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Trần Thị Kiều N và anh Đỗ Công A được cha mẹ hai bên cho tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2018 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Kiều N và anh Đỗ Công A đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống

trong nhiều vấn đề của cuộc sống vợ chồng, vì anh Đỗ Công Á không quan tâm vợ con, thường xuyên vắng nhà, không lo làm việc và tập trung nuôi con cùng gia đình mặc dù chị Trần Thị Kiều N đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Đỗ Công Á vẫn không thay đổi. Từ năm 2019, chị Trần Thị Kiều N về sinh sống bên nhà mẹ ruột cùng con và mạnh ai nấy sống cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Kiều N và anh Đỗ Công Á đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kiều N.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là Đỗ Trần Quỳnh A, sinh ngày 08/01/2018. Chị Trần Thị Kiều N yêu cầu nuôi con chung tên Đỗ Công Á, không yêu cầu Đỗ Công Á cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu Quỳnh A đang sống với mẹ. Hiện nay chị N cũng có công việc ổn định nên có đủ khả năng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Quỳnh A là con gái và hiện đang được mẹ chăm sóc tốt nên cần mẹ là chị N tiếp tục chăm sóc để phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao cháu Quỳnh A cho chị Trần Thị Kiều N tiếp tục được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Kiều N xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều N được ly hôn với anh Đỗ Công Á.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Trần Quỳnh A, sinh ngày 08/01/2018 cho chị Trần Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị Trần Thị Kiều N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Đỗ Công A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Trần Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001274, ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị N đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/03/2024). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiếu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Long Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**Nguyễn Trọng Hiếu
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 8 giờ 45 phút, ngày 22/5/2023.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn H1; 2. Ông Nguyễn Phát T.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2023, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Hoàng Thị C - Sinh năm: 1979. Địa chỉ: B ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Cao Văn T1 - Sinh năm: 1968. Địa chỉ: B ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nghị bàn những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Qua biểu quyết;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Cao văn T2.

Thống nhất: 3/3; Không thống nhất: 0/0.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Hoàng T3, sinh ngày 22/11/2016 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Hoàng Thị C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Cao văn Thảo trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Thống nhất: 3/3; Không thống nhất: 0/0.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao văn T2 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Cao Hoàng T3 do vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Thông nhất: 3/3; Không thống nhất: 0/0.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị C xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thông nhất: 3/3; Không thống nhất: 0/0.

5. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015641, ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị C đã nộp xong).

Thông nhất: 3/3; Không thống nhất: 0/0.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2023). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thông nhất: 3/3; Không thống nhất: 0/0.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 50 phút, ngày 22 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

Nguyễn Trọng H

